

Kết quả Bộ chỉ số 766 tháng 11/2025 - phường Kiến An

UBND phường Kiến An tháng 11/2025

- Tổng điểm: 93.11
- Công khai minh bạch: 18
- Tiến độ giải quyết: 19.98
- Dịch vụ công trực tuyến: 8.12
- Thanh toán trực tuyến: 9.39
- Mức độ hài lòng: 18
- Số hóa hồ sơ: 19.62

STT	Xã	Điểm
1	UBND phường Thiên Hương	93.82
2	UBND phường Gia Viên	93.74
3	UBND xã An Lão	93.53
4	UBND phường Phù Lễn	93.46
5	UBND phường Ngô Quyền	93.44
6	UBND phường Đông Hải	93.39
7	UBND phường Lê Thanh Nghị	93.36
8	UBND xã An Quang	93.3
9	UBND xã An Khánh	93.29
10	UBND phường Việt Hòa	93.27
11	UBND xã Trần Phú	93.27
12	UBND phường Lê Chân	93.22
13	UBND xã Nam An Phú	93.19
14	UBND xã Hà Bắc	93.19
15	UBND phường Chu Văn An	93.16
16	UBND xã Thượng Hồng	93.16

STT	Xã	Điểm
17	UBND phường An Hải	93.13
18	UBND xã Bình Giang	93.13
19	UBND phường Kiến An	93.11
20	UBND xã Kiến Minh	93.08
21	UBND phường Trần Hưng Đạo	93.08
22	UBND phường Thủy Nguyên	93.07
23	UBND xã Thái Tân	93.07
24	UBND xã Kim Thành	93.04
25	UBND phường Hồng Bàng	93.04
26	UBND Đặc khu Cát Hải	93.03
27	UBND phường Nhị Chiểu	93.02
28	UBND phường Lưu Kiếm	93
29	UBND xã Trường Tân	92.98
30	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	92.98
31	UBND phường An Biên	92.96
32	UBND xã An Phú	92.95
33	UBND phường Trần Liễu	92.95
34	UBND phường Lê Đại Hành	92.94
35	UBND phường Kinh Môn	92.93
36	UBND phường Lê Ích Mộc	92.92
37	UBND xã Tân Kỳ	92.92
38	UBND xã Ninh Giang	92.9
39	UBND xã An Trường	92.9
40	UBND phường Hòa Bình	92.89
41	UBND xã Nam Sách	92.89

STT	Xã	Điểm
42	UBND xã Tuệ Tĩnh	92.89
43	UBND xã Lạc Phượng	92.88
44	UBND phường Tân Hưng	92.88
45	UBND xã Vĩnh Hải	92.87
46	UBND xã Tân Minh	92.87
47	UBND xã An Thành	92.87
48	UBND xã Tiên Lãng	92.86
49	UBND phường Thành Đông	92.86
50	UBND phường An Dương	92.86
51	UBND phường Tứ Minh	92.85
52	UBND xã Tứ Kỳ	92.85
53	UBND xã Hồng Châu	92.84
54	UBND phường Phạm Sư Mạnh	92.83
55	UBND phường An Phong	92.83
56	UBND phường Ái Quốc	92.83
57	UBND xã Phú Thái	92.83
58	UBND phường Bạch Đằng	92.82
59	UBND xã An Hưng	92.82
60	UBND xã Lai Khê	92.82
61	UBND phường Hưng Đạo	92.81
62	UBND xã Kê Sặt	92.81
63	UBND phường Hồng An	92.79
64	UBND xã Hùng Thắng	92.79
65	UBND xã Cẩm Giang	92.79
66	UBND xã Tân An	92.79

STT	Xã	Điểm
67	UBND xã Vĩnh Thịnh	92.79
68	UBND xã Chí Minh	92.78
69	UBND phường Trần Nhân Tông	92.76
70	UBND xã Kiến Hải	92.75
71	UBND xã Hà Nam	92.73
72	UBND phường Nam Triệu	92.73
73	UBND xã Thanh Hà	92.72
74	UBND phường Hải An	92.72
75	UBND xã Vĩnh Bảo	92.71
76	UBND phường Chí Linh	92.71
77	UBND xã Nghi Dương	92.71
78	UBND xã Bắc Thanh Miện	92.71
79	UBND xã Tiên Minh	92.69
80	UBND xã Đường An	92.67
81	UBND xã Gia Phúc	92.66
82	UBND xã Nam Thanh Miện	92.66
83	UBND phường Bắc An Phụ	92.65
84	UBND phường Nam Đồ Sơn	92.64
85	UBND xã Vĩnh Thuận	92.63
86	UBND phường Hải Dương	92.63
87	UBND phường Nam Đồng	92.62
88	UBND xã Mao Điền	92.62
89	UBND xã Nguyên Giáp	92.61
90	UBND xã Vĩnh Hòa	92.59
91	UBND phường Thạch Khôi	92.59

STT	Xã	Điểm
92	UBND xã Hà Đông	92.58
93	UBND xã Vĩnh Lại	92.57
94	UBND xã Thanh Miện	92.56
95	UBND phường Nguyễn Trãi	92.56
96	UBND xã Vĩnh Am	92.55
97	UBND xã Yết Kiêu	92.54
98	UBND xã Gia Lộc	92.53
99	UBND xã Kiến Thụy	92.51
100	UBND xã Hà Tây	92.49
101	UBND xã Quyết Thắng	92.48
102	UBND xã Chấn Hưng	92.48
103	UBND xã Việt Khê	92.47
104	UBND phường Đồ Sơn	92.37
105	UBND xã Kiến Hưng	92.3
106	UBND xã Cẩm Giàng	92.2
107	UBND phường Dương Kinh	91.94
108	UBND xã Khúc Thừa Dụ	91.61
109	UBND xã Hợp Tiến	91.14
110	UBND xã Nguyễn Bình Khiêm	90.7
111	UBND phường Nguyễn Đại Nãi	90.38
112	UBND xã Hải Hưng	89.69
113	UBND Đặc khu Bạch Long Vĩ	87.46
114	UBND xã Đại Sơn	86.26